

**SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Số: 902 /KSBT-TMS
V/v mời báo giá lấy mẫu, xét nghiệm
chất lượng nước theo quy chuẩn kỹ thuật
địa phương năm 2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bến Tre, ngày 14 tháng 4 năm 2025

Kính gửi: Quý công ty tham gia chào giá

Hiện nay Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre có nhu cầu đầu thầu thực hiện lấy mẫu, xét nghiệm chất lượng nước theo Quy chuẩn kỹ thuật địa phương năm 2025.

Để có cơ sở xây dựng giá kế hoạch của gói thầu nói trên, đề nghị các công ty có đủ năng lực, tư cách pháp nhân cung cấp Bảng báo giá cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (Danh mục đính kèm theo), cụ thể như sau:

- Bảng chào giá gốc.
- Thời gian công ty cung cấp thông tin báo giá: Từ ngày 14/4/2025 đến ngày 24/4/2025.
- Hình thức:
 - + Bản scan có thể gửi trước qua Email: tomuasamcdc@gmail.com
 - + Bản giấy gửi về địa chỉ: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: Số 230 Nguyễn Văn Tư, Phường 7, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, Số điện thoại: 02753.822353.

Người nhận: Trần Thị Thanh Hiền.

Ngoài bì thư ghi rõ: “Báo giá lấy mẫu, xét nghiệm chất lượng nước”

Trung tâm rất mong nhận được bảng báo giá sớm từ phía các công ty để Trung tâm thực hiện các thủ tục tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Đăng tải trên web của cdc Bến Tre;
- Lưu VT, TMS.



Phạm Hồng Thái



DANH MỤC

(Đính kèm công văn số 902/KSBT-TMS ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật)

Số TT	Nội dung	Đơn vị	Thông số kỹ thuật	Ghi chú
1	Arsenic (As) ^(*)	Thông số	- TCVN 6626:2000 - Chất lượng nước - Xác định asen bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử (kỹ thuật hydrua) - Hoặc SMEWW 3114 B:2017: Xác định asen bằng phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử, kỹ thuật hydrua hóa, - Hoặc SMEWW 3125 B:2017: Xác định asen bằng phương pháp phổ cảm ứng khối phổ plasma (ICP/MS). - Hoặc US EPA 200.8 - Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc SMEWW 3120B:2017 - Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasmas (ICP/OES). - Hoặc ERA 6020 - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng Asen, bằng Quang phổ Plasma kết nối khối phổ (ICP-MS) - Hoặc TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Asen, bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES)	Mục 5, 14, 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
2	Trực khuẩn mũ xanh (<i>Ps. Aeruginosa</i>)	Thông số	- TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006): Chất lượng nước - Phát hiện và đếm <i>Pseudomonas aeruginosa</i> - Phương pháp lọc màng	Mục 4 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
3	Antimon (Sb)	Thông số	Chấp nhận các phương pháp định lượng phù hợp với ngưỡng giới hạn cho phép, độ chính xác (bao gồm độ lặp và độ đúng) tương đương hoặc cao hơn	QĐ 45/2022/QĐ-UBND Không có quy định TCKT cụ thể

4	Bari (Ba)	Thông số	- TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Bari bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES) - Hoặc SMEWW 3125B:2012 - Xác định Bari bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS).	Mục 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
5	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	Thông số	- SMEWW 3125B:2012 - Xác định Bo bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Bo bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES)	Mục 12, 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
6	Chì (Plumbum) (Pb)	Thông số	- TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986) - Chất lượng nước - Xác định: chì. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa. - Hoặc SMEWW 3111:2012 hoặc SMEWW 3113:2012 Xác định: chì. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa hoặc lò graphit. - Hoặc SMEWW 3125 B:2012: Xác định kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc US EPA 200.8. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - SMEWW 31206:2017. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma (ICP/OES). - Hoặc ERA 6020 - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng Chì bằng Quang phổ Plasma kết nối khối phổ (ICP-MS) - Hoặc TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Chì, bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES)	Mục 09, 14, 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND

7	Đồng (Cuprum) (Cu)	Thông số	- TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986) - Chất lượng nước - Xác định: đồng. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa. - Hoặc SMEWW 3111:2012 hoặc SMEWW 3113:2012 Xác định: đồng. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa hoặc lò graphit. - Hoặc SMEWW 3125 B:2012: Xác định kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc US EPA 200.8. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc SMEWW 31206:2017. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma (ICP/OES). - Hoặc ERA 6020 - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng Đồng, bằng Quang phổ Plasma kết nối khối phổ (ICP-MS) - Hoặc TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Đồng, bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES)	Mục 09, 14, 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
8	Fluor (F)	Thông số	- TCVN 6494:1999 - Chất lượng nước - Xác định các lon Florua bằng sắc ký lỏng ion. - Hoặc TCVN 6195:1996 (ISO 10359-1:1992) - Chất lượng nước - Xác định florua, Phương pháp dò điện hóa đối với nước sinh hoạt và nước bị ô nhiễm nhẹ. - Hoặc TCVN 6494-1:2011 (ISO 10304-1:2007) Chất lượng nước - Xác định các anion hòa tan bằng phương pháp sắc ký lỏng ion - Phần 1: Xác định florua,. - Hoặc SMEWW 4110B: 2017: Xác định anion hoà tan bằng phương pháp sắc ký ion với đầu dò độ dẫn.	Mục 20 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND

9	Kẽm (Zn)	Thông số	- TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986) - Chất lượng nước - Xác định kẽm. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa. - Hoặc SMEWW 3111:2012 hoặc SMEWW 3113:2012 Xác định kẽm. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa hoặc lò graphit. - Hoặc SMEWW 3125 B:2012: Xác định kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc US EPA 200.8. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc SMEWW 31206:2017. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma (ICP/OES). - Hoặc ERA 6020 - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng Chì bằng Quang phổ Plasma kết nối khối phổ (ICP-MS) - Hoặc TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Chì, bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES)	Mục 09, 14, 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
10	Mangan (Mn)	Thông số	- TCVN 6002 - 1995 (ISO 6333 - 1986) - Chất lượng nước - Xác định mangan - Phương pháp trắc quang dùng fomaldoxim - ERA 6020 - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng Mangan bằng Quang phổ Plasma kết nối khối phổ (ICP-MS) - TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Mangan bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES) - SMEWW 3111:2012 hoặc SMEWW 3113:2012 Xác định mangan. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa hoặc lò graphit.	Mục 14, 15, 16 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND



11	Natri (Na)	Thông số	- TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Natri bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES)	Mục 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
12	Nhôm (Aluminium) (Al)	Thông số	- TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Nhôm bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES)	Mục 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
13	Nickel (Ni)	Thông số	- TCVN 6665:2011 (ISO 11885:2007) - Chất lượng nước - Xác định nguyên tố chọn lọc: Niken bằng phổ phát xạ quang Plasma cặp cảm ứng (ICP - OES) - Hoặc ERA 6020 - Chất lượng nước - Xác định hàm lượng Niken bằng Quang phổ Plasma kết nối khối phổ (ICP-MS); - Hoặc TCVN 6193:1996 (ISO 8288:1986) - Chất lượng nước - Xác định coban, niken, đồng, kẽm, cadimi và chì. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa. - Hoặc SMEWW 3111:2012 hoặc SMEWW 3113:2012 Xác định coban, niken, đồng, kẽm, cadimi, mangan và chì. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa hoặc lò graphit. - Hoặc SMEWW 3125 B:2012: Xác định kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc US EPA 200.8. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc SMEWW 31206:2017. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp quang phổ phát xạ plasma (ICP/OES).	Mục 09, 14, 15 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND

14	Seleni (Se)	Thông số	- TCVN 6183-1996 (ISO 9964-1-1993) - Chất lượng nước. Xác định selen. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử (kỹ thuật hydrua). - Hoặc SMEWW 3114:2012 - Xác định selen. Phương pháp trắc phổ hấp thụ nguyên tử (kỹ thuật hydrua). - Hoặc SMEWW 3125B 2012 - Xác định selen. Phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS).	Mục 13 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
15	Sunfua	Thông số	- TCVN 6637:2000 (ISO 10530:1992) - Xác định sunfua hòa tan - Phương pháp đo quang dùng metylen xanh. - Hoặc SMEWW 4500 - S2-: 2012 Xác định sunfua hòa tan - Phương pháp đo quang hoặc phương pháp iot hoặc phương pháp điện cực chọn lọc ion.	Mục 25 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
16	Thủy ngân (Hg)	Thông số	- TCVN 7877 : 2008 (ISO 5666 : 1999) - Chất lượng nước - Xác định thủy ngân - Hoặc TCVN 7724:2007 (ISO 17852:2006) - Chất lượng nước - Xác định thủy ngân - Phương pháp dùng phổ huỳnh quang nguyên tử. - Hoặc US EPA 200.8. Xác định hàm lượng vết kim loại bằng phương pháp cảm ứng khối phổ Plasma (ICPMS). - Hoặc SMEWW 3112B:2017 - Xác định kim loại bằng kỹ thuật quang phổ hấp thụ nguyên tử, kỹ thuật hóa hơi lạnh	Mục 26 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
17	Bromoform	Thông số	- US EPA 501.3: 1996, Xác định Trihalomethanes trong nước uống bằng kỹ thuật sắc kí khí khối phổ quan sát chọn lọc ion (GC-MS-SIM) - US EPA 551.1 - Revision 1.0, 1995 - Xác định các sản phẩm phụ khử trùng clo hóa, các dung môi clo hóa và thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ halogel hóa trong nước uống: Bromofoc - Kỹ thuật chiết lỏng-lỏng và sắc kí khí với đầu dò ECD	Mục 45, 47 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND

18	Chloroform	Thông số	- US EPA 501.3: 1996, Xác định Trihalomethanes trong nước uống bằng kỹ thuật sắc ký khí khối phổ quan sát chọn lọc ion (GC-MS-SIM) - US EPA 551.1 - Revision 1.0, 1995 - Xác định các sản phẩm phụ khử trùng clo hóa, các dung môi clo hóa và thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ halogel hóa trong nước uống Clorofoc, Dibromoclorometan, Bromofoc, Bromodiclorometan, Dibromoaxetonitril, Dicloroaxetonitril, Tricloroaxetonitril, Cacbontetraclorua, 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan, Alachlor, Atrazine, Metolachlor, Simazine, Trifluralin, Methoxychlor, Lindane, Hexacforobenzen, Heptaclo và heptaclo epoxit- Kỹ thuật chiết lỏng-lỏng và sắc ký khí với đầu dò ECD	Mục 45, 47 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
19	Bromodichloromethane	Thông số	- US EPA 551.1 - Revision 1.0, 1995 - Xác định các sản phẩm phụ khử trùng clo hóa, các dung môi clo hóa và thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ halogel hóa trong nước uống Clorofoc, Dibromoclorometan, Bromofoc, Bromodiclorometan, Dibromoaxetonitril, Dicloroaxetonitril, Tricloroaxetonitril, Cacbontetraclorua, 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan, Alachlor, Atrazine, Metolachlor, Simazine, Trifluralin, Methoxychlor, Lindane, Hexacforobenzen, Heptaclo và heptaclo epoxit- Kỹ thuật chiết lỏng-lỏng và sắc ký khí với đầu dò ECD	Mục 45 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
20	Dibromochloromethane	Thông số	- US EPA 551.1 - Revision 1.0, 1995 - Xác định các sản phẩm phụ khử trùng clo hóa, các dung môi clo hóa và thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ halogel hóa trong nước uống Dibromoclorometan - Kỹ thuật chiết lỏng-lỏng và sắc ký khí với đầu dò ECD	Mục 45 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND

21	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Thông số	- TCVN 6053 : 2011 - Đo tổng hoạt độ phóng xạ anpha trong nước không mặn - Phương pháp nguồn dày. -Hoặc SMEWW 7110B: 2017 - Xác định tổng hoạt độ phóng xạ anpha và tổng hoạt độ phóng xạ beta - Phương pháp bay hơi. -Hoặc TCVN 8879:2011 - Đo tổng hoạt động phóng xạ anpha và beta trong nước không mặn - phương pháp lắng đọng nguồn mỏng	Mục 48 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
22	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Thông số	- TCVN 6219 : 2011 - Đo tổng hoạt độ phóng xạ beta trong nước không mặn. - Hoặc SMEWW 7110B: 2017 - Xác định tổng hoạt độ phóng xạ anpha và tổng hoạt độ phóng xạ beta - Phương pháp bay hơi. - Hoặc TCVN 8879:2011 - Đo tổng hoạt động phóng xạ anpha và beta trong nước không mặn - phương pháp lắng đọng nguồn mỏng	Mục 49 của QĐ 45/2022/QĐ-UBND
Tổng cộng: 22 chỉ tiêu				

